

Bản án số: 185/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Ông Trịnh Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tăng Hoàng Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Hoàng P, sinh năm 1972. Địa chỉ: số H, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch R, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khóm V, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn Hoàng P trình bày:

Giữa ông với ông Thạch R có quen biết với nhau qua việc làm ăn. Vào ngày 15/9/2018, ông có cho ông R mượn số tiền 230.000.000 đồng, không tính lãi. Thời hạn hợp đồng là 01 năm, đến tháng 9/2019 ông R sẽ trả tiền cho ông. Khi hợp đồng ông R có làm biên nhận nợ giao cho ông.

Đến ngày 20/5/2019, ông tiếp tục có cho ông R vay số tiền là 150.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, theo hợp đồng thì ông R sẽ trả tiền lãi hàng tháng, khi nào ông cần thu hồi tiền gốc thì ông R sẽ trả tiền gốc cho ông. Khi vay tiền, ông R có làm biên nhận

nợ giao cho ông. Tuy nhiên, đối với số tiền vay lần sau này thì ông R không có trả cho ông tiền lãi.

Như vậy ông R đã mượn và vay của ông tổng cộng số tiền là 380.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông R trả tiền cho ông, nhưng ông R chỉ hứa chứ không thực hiện.

Việc ông Thạch R cho rằng có trả số tiền lãi cho ông mỗi ngày với mức lãi 30%/tháng và tổng số tiền lãi mà ông R cho rằng đã đóng cho ông 418.000.000 đồng là không có. Thực tế ông R không có đóng cho ông số tiền lãi nào.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Thạch R có trách nhiệm trả cho ông số tiền mượn và số tiền vay tổng cộng là 380.000.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 10/9/2024, bị đơn ông Thạch R trình bày:

Giữa ông với ông Phạm Văn Hoàng P có quen biết với nhau trong việc làm ăn kinh tế như ông P trình bày.

Vào ngày 15/9/2018, ông có vay anh P số tiền 230.000.000 đồng đúng như ông P trình bày. Tuy nhiên, ông P lấy của ông tiền lãi là 30%/tháng, có nghĩa là mỗi ngày ông đã đóng trực tiếp cho ông P số tiền là 2.300.000 đồng và ông đã đóng cho ông P được 03 tháng 20 ngày với số tiền là 253.000.000 đồng, cụ thể đóng đến thời điểm nào thì ông không nhớ.

Đến ngày 20/5/2019, ông tiếp tục vay của ông P số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất là 30%/tháng, tương đương mỗi ngày ông đóng lãi cho anh P số tiền 1.500.000 đồng, đóng được 03 tháng 20 ngày với số tiền lãi là 165.000.000 đồng, không phải là lãi suất 1%/tháng như ông P trình bày.

Đối với 02 biên nhận tiền đề ngày 15/9/2018 và biên nhận đề ngày 20/5/2019 mà Tòa án có đưa cho ông xem, trong hai biên nhận có chữ ký mang tên Thạch Ríth đó là chữ ký và chữ viết của ông.

Đối với hai khoản tiền vay nêu trên ông đã đóng tiền lãi cho ông P với tổng số tiền 418.000.000 đồng và ông đã không còn khả năng đóng cho ông P. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét số tiền lãi mà ông đã trả vượt quá quy định của pháp luật để trừ vào vốn gốc mà ông đã vay của ông P. Ngày tháng năm cụ thể mà ông đã ngưng đóng tiền lãi cho ông P thì ông không nhớ rõ và ông sẽ cung cấp ngày tháng năm cụ thể đó sau cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại khóm V, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng ông R vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Hoàng P, về việc yêu cầu bị đơn ông Thạch R hoàn trả số tiền mượn và số tiền vay với tổng số tiền 380.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn ông P cho rằng: Vào ngày 15/9/2018, ông có cho ông R mượn số tiền 230.000.000 đồng, không tính lãi. Thời hạn hợp đồng là 01 năm, đến tháng 9/2019 ông R sẽ trả tiền cho ông. Khi hợp đồng ông R có làm biên nhận nợ giao cho ông. Đến ngày 20/5/2019, ông tiếp tục có cho ông R vay số tiền là 150.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, theo hợp đồng thì ông R sẽ trả tiền lãi hàng tháng, khi nào ông cần thu hồi tiền gốc thì ông R sẽ trả tiền gốc cho ông. Khi vay tiền, ông R có làm biên nhận nợ giao cho ông. Tuy nhiên, đối với số tiền vay lần sau này thì ông R không có trả cho ông tiền lãi.

[4.2] Ngược lại, bị đơn ông Thạch R trình bày: Vào ngày 15/9/2018, ông có vay anh P số tiền 230.000.000 đồng đúng như ông P trình bày. Tuy nhiên, ông P lấy của ông tiền lãi là 30%/tháng, có nghĩa là mỗi ngày ông đã đóng trực tiếp cho ông P số tiền là 2.300.000 đồng và ông đã đóng cho ông P được 03 tháng 20 ngày với số tiền là 253.000.000 đồng, cụ thể đóng đến thời điểm nào thì ông không nhớ. Đến ngày 20/5/2019, ông tiếp tục vay của ông P số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất là 30%/tháng, tương đương mỗi ngày ông đóng lãi cho anh P số tiền 1.500.000 đồng, đóng được 03 tháng 20 ngày với số tiền lãi là 165.000.000 đồng, không phải là lãi suất 1%/tháng như ông P trình bày.

[4.3] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông P không thừa nhận là có nhận số tiền lãi của ông Thạch R như ông R đã trình bày. Ông P cho rằng số tiền 230.000.000 đồng mà ông đã đưa cho ông R vào ngày 15/9/2018 là ông P cho ông R mượn do hai bên có quen biết với nhau trong việc làm kinh tế. Còn số tiền 150.000.000 đồng mà ông P đã cho ông R vay vào ngày 20/5/2019 thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng, nhưng ông R chưa có thanh toán cho ông số tiền lãi nào đối với khoản vay này. Việc ông R cho rằng ông có thanh toán số tiền lãi 253.000.000 đồng cho ông P đối với số tiền vay 230.000.000 đồng và thanh toán cho ông P số tiền lãi 165.000.000 đồng đối với số tiền vay 150.000.000 đồng, thì ông P không thừa nhận và ngoài lời nói ra ông R không có giấy tờ gì chứng minh có lời nói của mình là có căn cứ.

[4.4] Mặt khác, tại tờ “Biên nhận” đề ngày 15/9/2018 có thể hiện nội dung: “Em tên: Thạch Ríth có HKTT ở phường B, TX V, ST em có mượn tiền của anh P với số tiền là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba chục triệu đồng). Hạn trả: 9/2019”, người nhận tiền ký tên Thạch R; Tại tờ “Biên nhận” đề ngày 20/5/2019 có thể hiện nội dung: “Tôi tên: Thạch R, sinh năm 1978; CMND số: 365560141;... Tôi có mượn của anh Phạm Văn Hoàng P; CMND số: 365354832;... số tiền là 150.000.000 đồng, Lãi suất vay 1%/tháng; trả lãi hàng tháng....”, người nhận tiền ký tên Thạch R.

[4.5] Tại phiên hòa giải ngày 10/9/2024, bị đơn ông Thạch R thừa nhận là vào ngày 15/9/2018 ông có nhận của ông Phạm Văn Hoàng P số tiền là 230.000.000 đồng và ngày 20/5/2019 thì ông R có nhận của ông P số tiền 150.000.000 đồng. Đồng thời, ông R thừa nhận chữ ký và chữ viết mang tên Thạch R trong 02 tờ biên nhận nêu trên được phân tích tại mục số [4.4] nêu trên là chữ ký và chữ viết của ông. Đây là tình tiết sự thật khách quan và được các bên thừa nhận, nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên từ mục số [4.1] đến mục số [4.5], Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 15/9/2018 ông Thạch R có vay của ông Phạm Văn Hoàng P số tiền là 230.000.000 đồng (không có lãi). Đến ngày 20/9/2019, ông R tiếp tục vay của ông P số tiền 150.000.000 đồng (lãi thỏa thuận 01%/tháng, nhưng ông R chưa thanh toán số tiền lãi của khoản vay này cho ông P). Ông R đã nhận của ông P tổng số tiền 380.000.000 đồng, nhưng cho đến nay ông R chưa thanh toán cho ông P số tiền nêu trên mặc dù ông P đã liên hệ và yêu cầu ông R thanh toán nhiều lần nhưng ông R không thực hiện. Việc ông R không thanh toán số tiền vay nêu trên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn ông Phạm Văn Hoàng P yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Thạch R thanh toán cho ông P số tiền vay 380.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cho nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn ông Thạch R có trách nhiệm trả cho ông P số tiền nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Văn Hoàng P không yêu cầu ông Thạch R thanh toán số tiền lãi đối với số tiền vay 380.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Bị đơn ông Thạch R cho rằng: Đối với hai khoản tiền vay nêu trên ông đã đóng tiền lãi cho ông P với tổng số tiền 418.000.000 đồng và ông yêu cầu Tòa án xem xét số tiền lãi mà ông đã trả vượt quá quy định của pháp luật để trừ vào vốn gốc mà ông đã vay của ông P. Tuy nhiên, việc ông R nêu ra vấn đề trên thì ông P không thừa nhận và ngoài lời nói ra ông R không có giấy tờ gì chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[8] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Phạm Văn Hoàng P có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Thạch R phải trả lãi suất cho ông P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Hoàng P với bị đơn ông Thạch R.

- Buộc bị đơn ông Thạch R thanh toán số tiền vay 380.000.000 đồng ông Phạm Văn Hoàng P.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Phạm Văn Hoàng P có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng Thạch R phải trả lãi cho ông P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Thạch R phải chịu 19.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Phạm Văn Hoàng P được nhận lại số tiền ạm ứng án phí đã nộp là 9.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004917 ngày 19/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua